

BẢNG ĐIỂM THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN**GIỜ THI: 18H00 - NGÀY THI: 29/8/2025 - PHÒNG THI B002A**

STT	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	HỌ TÊN SINH VIÊN	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG
1	23211QT0567	CD23QT1	Nguyễn Hoài An	56	30	290	120	410	B002A
2	23211KD4716	CD23KD1	Nguyễn Khả Ân	58	25	300	90	390	B002A
3	24211TC0953	CD24TC1	Nguyễn Thị Lan Anh	62	37	325	155	480	B002A
4	23211DH4578	CD23DH8	Nguyễn Thị Lan Anh	62	52	325	250	575	B002A
5	23211KS1589	CD23KS1	Đào Thái Anh	55	27	280	100	380	B002A
6	23211LG1254	CD23LG2	Mai Nguyệt Ánh	57	35	295	145	440	B002A
7	23211QT1229	CD23QT1	Mã Lâm Bá	47	51	230	240	470	B002A
8	22211LG2380	CD22LG3	Mai Thế B	47	52	230	250	480	B002A
9	23211OT0764	CD23OT15	Bùi Nhật B	44	36	210	150	360	B002A
10	22211OT0948	CD22OT19	Hoàng Văn B	45	64	220	315	535	B002A
11	21211NH3213	CD21NH1	Nguyễn Thái B	41	28	190	105	295	B002A
12	22211CD2870	CD22CD1	Võ Quốc B	49	78	245	395	640	B002A
13	22211OT2993	CD22OT21	Nguyễn Thế B	46	82	225	405	630	B002A
14	24211TM0153	CD24TM1	Trần Hữu B	54	85	275	420	695	B002A
15	24211KS0488	CD24KS1	Lê Nguyễn Y B	53	81	270	400	670	B002A
16	23211QT4733	CD23QT3	Phạm Thị M	52	81	260	400	660	B002A
17	23211KS3828	CD23KS2	Đặng Thị Minh C	55	54	280	260	540	B002A
18	22211NH4516	CD22NH2	Bùi Thị Kim C	36	26	165	95	260	B002A
19	22211DH3072	CD22DH3	Tạ Thị Bích C	55	24	280	90	370	B002A
20	20211CD1906	CD20CD1	Nguyễn Hữu Minh C	72	44	390	195	585	B002A
21	21211DH2155	CD21DH4	Trần Quyết C	73	40	395	175	570	B002A
22	20211DC0962	CD20DC1	Hán Dương Minh C	57	39	295	165	460	B002A
23	22211CK2731	CD22CK3	Nguyễn Hoàng Minh C	54	60	275	295	570	B002A
24	23211DH0027	CD23DH1	Lâm Tấn C	63	56	330	275	605	B002A
25	22211DL4225	CD22DL2	Miêu Minh C	65	54	345	260	605	B002A
26	23211TD3768	CD23TD1	Nguyễn Đ	53	59	270	290	560	B002A
27	23211DH1581	CD23DH3	Nguyễn Mạnh C	44	62	210	305	515	B002A
28	21211TT4818	CD21TT9	Hà Minh Đ	42	74	195	370	565	B002A
29	23211CK0766	CD23CK1	Lê Nhựt Khánh Đ	36	91	165	455	620	B002A
30	22211QT2475	CD22QT2	Phạm Hải Đ	37	72	170	360	530	B002A
31	22211DL4491	CD22DL2	Võ Thành D	37	70	170	350	520	B002A
32	21211OT4120	CD21OT17	Đoàn Công D	36	36	165	150	315	B002A
33	22211TD1229	CD22TD1	Võ Đỗ Thành D	38	41	175	180	355	B002A
34	21211QT3647	CD21QT4	Diệp Nhật Đ	40	34	185	140	325	B002A
35	22211CD2607	CD22CD1	Nguyễn Tiến Đ	31	32	135	130	265	B002A